

NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM

Tạ Văn Thông^a
Tạ Quang Tùng^b

^a Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam

Email: tavanthong1955@gmail.com

^b Viện Ngôn ngữ học Việt Nam

Email: quangtung7391@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/9/2019

Ngày phản biện: 28/9/2019

Ngày tác giả sửa: 10/10/2019

Ngày duyệt đăng: 9/11/2019

Ngày phát hành: 20/11/2019

DOI:

Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số hướng tới đối tượng chính là dân tộc thiểu số, giúp cho các dân tộc có một không gian riêng, để tiếp nhận thông tin và nói lên nguyện vọng của mình.

Bài viết này trình bày thực tế truyền thông ngôn ngữ và một số vấn đề đang đặt ra đối với ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số trong truyền thông (phát thanh và truyền hình), ở Việt Nam hiện nay. Nguyên tắc là tôn trọng quyền tự do ngôn luận; đảm bảo sự bình đẳng và quyền cá nhân; tôn trọng sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ...; từ đó đề xuất một số giải pháp về: Yêu cầu đối với ngôn ngữ; tiếng địa phương; chữ viết; từ ngữ; vai trò và trách nhiệm của cơ quan truyền thông, nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong truyền thông.

Truyền thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải mang đến cho người nghe, người xem những nội dung hấp dẫn, những hình ảnh chân thực và thời sự..., và cần được diễn tả bằng hoặc đi kèm ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Đặc biệt, ngôn ngữ này phải súc tích, mạch lạc, dễ nghe, dễ hiểu và gần gũi. Trên truyền thông, ngôn ngữ vừa có vai trò truyền tải nội dung, vừa như một thành tố văn hóa truyền thống và là phương tiện nối kết cộng đồng. Nhờ được sử dụng, ngôn ngữ dân tộc thiểu số có lý do để tồn tại và phát triển, trở nên sắc bén, giàu sức sống.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số; Ngôn ngữ dân tộc thiểu số; Truyền thông; Tiếng Việt; Tiếng mẹ đẻ.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là phương tiện quan trọng số một trong hoạt động truyền thông.

Ở Việt Nam, việc sử dụng ngôn ngữ truyền thông ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) có rất nhiều điều cần bàn luận. Đây không chỉ là ngôn ngữ tộc người (tiếng mẹ đẻ) của các DTTS mà còn là tiếng Việt, cũng không là chuyện riêng của ngành Ngôn ngữ học, mà còn của những người làm công tác thông tin tuyên truyền, các nhà hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc và chính người dân...

Bài viết này trình bày thực tế và một số vấn đề đang đặt ra đối với ngôn ngữ của các DTTS trên truyền thông (phát thanh và truyền hình), ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ trong truyền thông ở vùng DTTS Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu ở nước ngoài

Một số tác giả và công trình nghiên cứu:

Donald Browne (2007) với công trình “Truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số: Quan niệm, phê bình và nghiên cứu trường hợp” (*Minority Language Media: Concepts, Critiques and Case Studies*); K. Viswanath và Pamela Arora (2000) với bài “Truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Mỹ: Nghiên cứu về vai trò trong sự hội nhập, đồng hóa và quản lý xã hội” (*Ethnic Media in the United States: An Essay on Their Role in Integration, Assimilation, and Social Control*) trên Tạp chí Truyền thông đại chúng và Xã hội (*Mass Communication and Society*)... Nhà nghiên cứu Cormack (1998) lại có những tìm hiểu sâu về ngôn ngữ DTTS trong hoạt động truyền thông ở bài viết: “Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Tây Âu” (*Minority language media in Western Europe*) in trên tạp chí Truyền thông Châu Âu (*European Journal of Communication*) số 13 năm 1998.

Trong công trình “Truyền thông dân tộc thiểu số: Một quan điểm quốc tế” (*Ethnic Minority Media:*

An International Perspective), Riggins (1992) trình bày lợi ích quốc gia của hoạt động truyền thông DTTS. Theo tác giả, có năm mô hình hoạt động truyền thông theo hướng này.

Ở châu Á, vấn đề truyền thông và ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông được các học giả Trung Quốc nghiên cứu sâu sắc (một quốc gia có hơn 120 ngôn ngữ DTTS). Có thể kể đến công trình nghiên cứu của Bạch Nhuận Sinh (2012) trong bài “Lịch sử biến đổi, địa vị và tác dụng của truyền thanh ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở nước ta”. Theo Bạch Nhuận Sinh, truyền thanh bằng ngôn ngữ DTTS ở Trung Quốc sớm nhất là vào năm 1932: Đài Phát thanh Truyền hình Trung ương Quốc dân đảng đã thêm mục phát thanh bằng tiếng dân tộc Mông Cổ và tiếng Tạng.

Ngoài ra còn một số công trình nghiên cứu khác: Yêu cầu mới cho phát triển phát sóng ngôn ngữ thiểu số trong giai đoạn mới (Xilin Wang Ying); Phát âm tiếng DTTS là một phần quan trọng trong báo chí Trung Quốc và là nền tảng để truyền bá đường dây, nguyên tắc và chính sách của đảng (Diễn đàn Mông Cổ Miền Nam 2013); Những vấn đề phát sóng ngôn ngữ thiểu số ở Tân Cương (Diễn đàn Khoa học Xã hội Ao Mu Xinjiang, 2013); Duy trì tính ổn định: Một trong những chức năng xã hội chính của phát thanh truyền hình thiểu số (Jiang Linlin News Forum, 2016) ...

2.2. Nghiên cứu ở Việt Nam

Về truyền thông, có một số công trình sau: Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông (Son, Hương, & Quang, 1995); Cơ sở lý luận và báo chí - Đặc tính chung và phong cách (Đức, 2000); Cơ sở lý luận báo chí (Dũng, 2012); Văn hóa truyền thông trong thời kỳ hội nhập (Hội nhà báo Việt Nam & Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, 2013); Truyền thông xã hội (Chung, Hương, & và các tác giả khác, 2016);... Trong đó, có một số công trình tìm hiểu về hoạt động truyền thông ở vùng đồng bào DTTS: Sổ tay truyền thông dân tộc (Đài Tiếng nói Việt Nam, 2015); “Nghiên cứu xây dựng mô hình phối hợp sản xuất chương trình truyền hình tiếng dân tộc” (Minh, 2015)...

Về ngôn ngữ trong truyền thông, không thể không nhắc tới một số tên tuổi như: Nguyễn Đức Dân (2007), Ngôn ngữ báo chí – Những vấn đề cơ bản; Vũ Quang Hào (2010), Ngôn ngữ báo chí; Nguyễn Thế Kỳ (2011), Nói năng, giao tiếp trên đài truyền hình; Nguyễn Tri Niên (2003), Ngôn ngữ báo chí; Hội thảo Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam (2019), Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng; Trong công trình: Tạ Văn Thông và Tạ Quang Tùng (2017), Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam, có mục “Ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam trên các phương tiện truyền thông”...

Tuy vậy, đến nay chưa có công trình nghiên cứu đầy đủ và sâu sắc về việc sử dụng ngôn ngữ (bao

gồm tiếng Việt và tiếng DTTS) trong hoạt động truyền thông ở vùng DTTS Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu và tư liệu

Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả, gồm phân tích các sự kiện cụ thể, tổng hợp thành quy luật chung về ngôn ngữ các DTTS trong truyền thông, nhằm lý giải những sự kiện này trên cơ sở lý thuyết chung và trong điều kiện thực tế ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu giới hạn trong ngôn ngữ trên đài (truyền hình, phát thanh, truyền thanh các cấp ở vùng DTTS), không tìm hiểu ngôn ngữ trên báo chí viết và các loại hình truyền thông khác.

Tư liệu dùng để viết bài là những quan sát về tình hình sử dụng tiếng DTTS trong hoạt động truyền thông ở vùng DTTS Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Vai trò truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số

Trong tiếng Việt, “truyền thông” thường được hiểu theo hai nghĩa:

- Truyền dữ liệu theo những quy tắc và cách thức nhất định;
- Thông tin và tuyên truyền nói chung.

Ở đây, *truyền thông* được hiểu theo nghĩa thứ hai. Với nghĩa này, “truyền thông” không chỉ hiểu là “phát thanh và truyền hình” (mà còn: báo chí, sách vở, internet...). Tuy nhiên, phát thanh và truyền hình hiện nay là những phương tiện thông tin và tuyên truyền thông dụng nhất ở vùng DTTS, là hoạt động giao tiếp tương tác, nhiều kênh, có tính thuyết phục cao.

Ở Việt Nam, truyền thông đã thể hiện những vai trò nhất định: Là công cụ quản lý, điều hành và cải cách xã hội; là tác nhân tạo liên kết xã hội không chỉ trong phạm vi quốc gia, mà cả trong khu vực và quốc tế. Nhờ hoạt động truyền thông, người dân được cập nhật các thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội trong và ngoài nước, được giải trí và được nói lên tiếng nói bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Đặc biệt, ở vùng DTTS, hoạt động truyền thông giúp đồng bào có điều kiện tiếp cận thông tin để mở mang nhận thức, thay đổi hành vi theo hướng tích cực; phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ phổ thông vùng; giữ gìn bản sắc văn hóa, góp phần bảo vệ sự đa sắc trong văn hóa Việt Nam. Hoạt động này cũng góp phần phát triển kinh tế, văn hóa xã hội ở vùng miền núi, biên giới, tạo tiền đề quan trọng cho công tác an ninh, quốc phòng của đất nước; góp phần thực hiện Luật tiếp cận thông tin (104/2016/QH13, ban hành ngày 06 tháng 4 năm 2016), thực hiện những chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển bền vững DTTS và ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam.

Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ các DTTS (*minority language media*) hướng tới đối

tượng chính là các cộng đồng DTTS. Đặc biệt, truyền thông giúp cho các dân tộc có một không gian đại chúng (*public sphere*) của riêng mình, để lắng nghe tiếng nói và nói lên nguyện vọng của mình.

Về phương diện ngôn ngữ học, cùng với các cuốn từ điển, bản đồ, sách giáo khoa, các văn bản nhà nước, các phương tiện báo chí (báo viết, báo nói, báo hình...) thường có vai trò “làm gương” và có sức lan truyền, ảnh hưởng lớn trong xã hội. Một trong những ảnh hưởng vừa nói là từ ngôn ngữ của truyền thông tới ngôn ngữ đời sống. Đặc biệt là hiện nay ở Việt Nam, khi những nét bản sắc văn hóa của các dân tộc đang đối diện với sự “hòa tan” trong quá trình tiếp biến văn hóa và toàn cầu hóa, không ít ngôn ngữ DTTS đang đứng trước nguy cơ tiêu vong.

Việc truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS vì vậy có vai trò không nhỏ đối với việc bảo tồn và phát triển ngôn ngữ các dân tộc này:

- Mở rộng phạm vi sử dụng, tạo điều kiện cho ngôn ngữ các DTTS được hành chức; giúp nâng cao vị thế của ngôn ngữ một cộng đồng. Thực tế đã chứng minh, để bảo tồn và phát triển các ngôn ngữ DTTS, bên cạnh việc chế tác và cải tiến chữ viết, biên soạn sách phục vụ dạy và học cần tăng cường sử dụng các ngôn ngữ này (tức là cho nó được hành chức tích cực) trong nhiều mặt của đời sống xã hội, đặc biệt trên các ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Giúp ngôn ngữ của các DTTS có điều kiện nâng cao và hoàn thiện về từ vựng, ngữ pháp phong cách và chính tả, theo xu hướng “hiện đại hóa”, tạo thành ngôn ngữ văn học chuẩn mực. Việc đọc, viết đúng và hấp dẫn bằng ngôn ngữ các DTTS, trước hết mang lại hệ quả tích cực là khiến người tiếp nhận nhận diện được các thông điệp của người phát thanh. Điều đó đồng thời giúp các ngôn ngữ có điều kiện được sử dụng tức là có được sức sống trong đời sống. Việc sử dụng dạng ngôn ngữ văn học (không chỉ ở dạng khẩu ngữ), hướng tới sự trong sáng và “chuẩn” hơn, làm sắc bén công cụ giao tiếp giúp ngôn ngữ có vai trò tích cực trong đời sống xã hội, đặc biệt đối văn hóa cổ truyền của cộng đồng. Đó chính là cơ hội để bảo tồn và phát triển ngôn ngữ các DTTS.

- Giúp duy trì và nâng cao ý thức cộng đồng về ngôn ngữ tộc người, tăng thêm lòng tự hào, ý thức trau dồi tiếng mẹ đẻ và hướng về chuẩn mực ngôn ngữ được thể hiện trên truyền thông; tạo động lực cho thế hệ trẻ gìn giữ tiếng mẹ đẻ của mình. Vai trò, tác dụng của hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS, xét về phương diện tâm lý xã hội, không chỉ bảo tồn ngôn ngữ và các nét văn hóa khác, mà còn đem đến cho cộng đồng DTTS niềm tự hào và ý thức gìn giữ ngôn ngữ và văn hoá của dân tộc mình.

4.2. Thực trạng phát thanh và truyền hình bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam

VOV4 trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam, sản xuất và chính thức phát sóng từ ngày 1/10/2004. Các chương trình phát thanh DTTS nhằm tuyên truyền có hệ thống chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề DTTS; phản ánh toàn diện đời sống, kinh tế, xã hội của đông bào các DTTS; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc Việt Nam. Hiện nay ngoài tiếng Việt, VOV4 đang phát sóng bằng các ngôn ngữ: Dao; Mông; Thái; Cơ Tu; Chăm; Khmer; Ba Na; Gia Rai; Xơ Đăng; Ê Đê; Cơ Ho; Mnông; Tày - Nùng...

VT5 là kênh truyền hình tiếng DTTS (có phụ đề tiếng Việt) của Đài Truyền hình Việt Nam, phát sóng chính thức từ ngày 1/1/2002, với thời lượng 24 giờ mỗi ngày (từ năm 2012) gồm chủ yếu phục vụ DTTS vùng sâu vùng xa với các nội dung: Chương trình thời sự, chính luận, phim tài liệu và các chương trình giải trí. Hiện nay đang phát bằng các ngôn ngữ: Mông; Thái; Dao; Mường; Hrê; Cơ Tu; Mnông; Xtiêng; Xơ Đăng; Cơ Ho; Ba Na; Gia Rai; Gié - Triêng; Chu Ru; Ê Đê; Chăm; Khmer...

Ngoài các chương phát thanh và truyền hình bằng ngôn ngữ DTTS của trung ương, ở hầu hết các địa phương có đông bào con dân tộc, các đài phát thanh và truyền hình cũng có chương trình truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS.

5. Thảo luận

5.1. Những nguyên tắc và mô hình được lựa chọn trong truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số

5.1.1. Nguyên tắc

Từ thực tế hoạt động truyền thông ở nhiều nước trên thế giới, có thể thấy một số nguyên tắc chung đặt ra khi truyền thông ở vùng DTTS:

- Tôn trọng quyền tự do ngôn luận của các nhóm dân tộc: Đảm bảo cho đông bào dân tộc quyền được tiếp nhận, tìm kiếm, truyền bá thông tin, ý tưởng qua ngôn ngữ và phương thức truyền thông họ lựa chọn.

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ

- Đảm bảo cho các cá nhân có quyền bảo vệ phát triển bản sắc dân tộc mình bằng cách sử dụng ngôn ngữ của họ trong truyền thông

- Đảm bảo sự bình đẳng và không phân biệt đối xử giữa các dân tộc, giúp các cộng đồng thiểu số được hưởng quyền bình đẳng sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình trong truyền thông.

Về việc sử dụng ngôn ngữ DTTS truyền thông trong điều kiện bình thường, bài học kinh nghiệm trên thế giới cho thấy:

- Nên tiến hành bằng tất cả các ngôn ngữ DTTS, không nên “ưu tiên” ngôn ngữ có số lượng người sử dụng đông.

- Trước khi thực hiện các hoạt động truyền thông bằng một ngôn ngữ DTTS, cần có sự quan tâm của

đồng bào dân tộc đó và đông đảo người dân trong xã hội.

- Cần những chính sách tạo điều kiện cho truyền thông bằng các ngôn ngữ DTTS.

5.1.2. Mô hình

Theo tác giả Riggins trong công trình: Truyền thông DTTS: một quan điểm quốc tế (*Ethnic Minority Media: An International Perspective*) (1992), có năm mô hình truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS:

1/ *Hợp thể*: Hoạt động truyền thông được thiết kế với mục đích để văn hóa các DTTS tạo thành một thể thống nhất với văn hóa dân tộc đa số, nhưng không làm mất bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc.

2/ *Gắn với kinh tế*: Hoạt động truyền thông được thiết kế kết hợp với những áp lực về kinh tế khiến cho các DTTS phải biến đổi và thích ứng.

3/ *Phân tách*: Hoạt động truyền thông DTTS được thiết kế để làm nổi bật sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc với nhau, từ đó hình thành bản sắc của mỗi dân tộc.

4/ *Đặc quyền*: Hoạt động truyền thông DTTS được thiết kế dựa trên sự phân biệt và chi phối về quyền lực.

5/ *Đồng hóa*: Hoạt động truyền thông DTTS được thiết kế nhằm đồng hóa các DTTS vào dân tộc đa số.

Hiện nay ở Việt Nam, thích hợp nhất là sử dụng phối hợp mô hình thứ nhất và mô hình thứ ba.

5.2. Đặc tính cần có của ngôn ngữ/ phương ngữ một dân tộc thiểu số được sử dụng trong truyền thông

5.2.1. Yêu cầu chung

Để bảo tồn sự trong sáng và tăng cường hiệu quả của ngôn ngữ các dân tộc trong truyền thông, cần giải quyết những vấn đề đã được đặt ra ở nhiều nước:

- Sử dụng những ngôn ngữ/ tiếng địa phương nào, trong điều kiện rất ít ngôn ngữ có được sự chuẩn mực?

- Sử dụng ngôn ngữ DTTS như thế nào, trong điều kiện từ vựng, ngữ pháp, phong cách... của ngôn ngữ đó chưa đáp ứng được yêu cầu nội dung chương trình?

- Sử dụng ngôn ngữ trực quan (*visual language*) thế nào, trong điều kiện chữ viết của dân tộc đó chưa có hoặc chưa hoàn thiện?

- Sử dụng ngôn ngữ thế nào để giúp nâng cao ý thức ngôn ngữ và ý thức tự giác tộc người của mỗi cá nhân DTTS?

- Sử dụng ngôn ngữ như thế nào, để ngôn ngữ các dân tộc đa số duy trì vị thế của mình trong quan hệ với ngôn ngữ các DTTS?

Là một phương tiện giao tiếp, ngôn ngữ phải giúp nâng cao hiệu quả truyền thông, đồng thời đảm bảo được các đặc trưng: Đa dạng, phong phú, chính

xác, đại chúng; dễ nhớ, dễ hiểu; tương tác; khuôn mẫu; hấp dẫn, thâm mỹ. Từ đó nảy sinh ra yêu cầu:

- Ngữ âm (giọng nói) gần gũi, nghe quen tai đối với đa số người nghe, phải tương đối phù hợp với thói quen sử dụng trong ngôn ngữ hàng ngày.

- Hệ thống từ vựng tương đối đầy đủ, uyển chuyển, với những sắc thái biểu cảm phù hợp văn hóa giao tiếp của cộng đồng DTTS.

- Có một hệ thống ngữ pháp tương đối chuẩn mực và được xác định, phù hợp với cách diễn đạt trong nói năng của cộng đồng DTTS.

- Có chữ viết thông dụng và những sách tra cứu: Các cuốn ngữ pháp và từ điển ngữ văn (tường giải hoặc đối dịch); sách ngữ pháp - những phương tiện thường dùng để tra cứu khi sử dụng ngôn ngữ. Nếu chưa có chữ viết, thì trước hết phải tiến hành đặt chữ trước khi sử dụng ngôn ngữ trên đài.

Tóm lại, ngôn ngữ các DTTS (giọng nói, chữ viết và chính tả, từ ngữ, câu cú, phong cách...) dùng trên phát thanh, truyền hình phải “chuẩn” và đạt được sự hấp dẫn.

Hiện nay ở Việt Nam có thực tế: Tuy là chương trình phát sóng bằng tiếng DTTS nhưng đôi khi chính người của dân tộc đó lại gặp khó khi tiếp nhận bằng chính ngôn ngữ của họ. Tình trạng không hiểu hoặc hiểu được ít này có nhiều lí do, trong đó có cách đọc, cách sử dụng từ ngữ, cấu tạo và mạch lạc văn bản, lối “phiên dịch” (hay “căn ke”)..., cũng có thể từ việc lựa chọn ngôn ngữ/ phương ngữ.

5.2.2. Căn cứ để lựa chọn một ngôn ngữ/ phương ngữ trong hoạt động truyền thông

Trong nhiều tài liệu trước đây, các tác giả có lí do khi chú ý đến việc xác định ngôn ngữ dùng trên đài (dựa trên các tiêu chí: Có đông người nói, có nhiều dân tộc cùng sử dụng, có nền văn hóa truyền thông dày dặn, có giao lưu văn hóa rộng rãi, có ý nghĩa chính trị - đối ngoại quan trọng), đến yêu cầu cần chọn âm “chuẩn” của ngôn ngữ; cần đào tạo cán bộ biên tập và phát thanh hiểu biết về ngôn ngữ được sử dụng.

Xét trên phương diện lí thuyết, cả tính pháp lí và yêu cầu thực tế, thì tất cả các ngôn ngữ DTTS đều có thể và cần được dùng trong hoạt động truyền thông. Vì tất cả các dân tộc, các ngôn ngữ đều bình đẳng; cùng với giáo dục ngôn ngữ, hoạt động truyền thông là phương thức hiệu quả nhất để bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các ngôn ngữ. Thậm chí, với yêu cầu phục vụ các dân tộc đang có nguy cơ mất bản sắc và nâng cao dân trí, nhu cầu bảo tồn sự đa dạng sinh thái về văn hóa, tri thức địa phương..., chính những ngôn ngữ của các DTTS rất ít người hiện đang là những ngôn ngữ cần được sử dụng trong giáo dục và truyền thông trước hết.

Tuy nhiên, vì nhiều lí do, trong đó có tiêu chí hướng đến tính phổ thông và quảng bá đại chúng, phải lựa chọn một số ngôn ngữ nhất định trong hoạt động truyền thông. Chẳng hạn: Ở tỉnh Kon Tum thì

ngôn ngữ nào (Xơ Đăng; Gia Rai; Gié - Triêng hay Brau...) sẽ được dùng trong hoạt động truyền thông, hay tất cả? Hoặc đối với người Gié - Triêng thì tiếng nào (Gié, Triêng hay Pơ Noong) sẽ được dùng trong hoạt động truyền thông? Đối với dân tộc Tà Ôi nên sử dụng tiếng Tà Ôi hay Pa Cô; đối với người Sán Chay nên sử dụng tiếng Cao Lan hay Sán Chí; đối với người Chăm nên sử dụng tiếng Chăm Đông, Chăm Tây hay Hroi (Chăm Hroi)...

Thường thì tiêu chí lựa chọn ngôn ngữ được “ưu tiên” là:

- Ngôn ngữ của cộng đồng có uy tín (thường là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa...) ảnh hưởng lớn cả cộng đồng.

- Ngôn ngữ có nhiều người dùng.

- Ngôn ngữ của cộng đồng cần chú ý tuyên truyền giáo dục về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh; cần được cô kết cộng đồng.

- Ngôn ngữ của cộng đồng có chữ viết.

Thực tế là nhiều khán thính giả cho biết, họ không hiểu hoặc hiểu không hết khi nghe hoặc xem chương trình phát bằng tiếng dân tộc mình. Nguyên nhân có thể liên quan đến “giọng” của phát thanh viên (chẳng hạn trong chương trình thời sự, chính luận...), là vấn đề tiếng địa phương (phương ngữ). Điều đó phản ánh một hiện thực: Phần lớn các dân tộc ở Việt Nam có sự khác biệt tiếng nói ở các địa phương, dễ nhận thấy nhất là “giọng nói” và từ vựng; hiểu biết của người nghe và người xem và sự trân trọng đối với tiếng “của mình” hơn; nghe chưa “quen tai” hoặc “giọng” đang nghe chưa thật sự phổ biến... Chẳng hạn: Đối với người Cơ Ho nên chọn tiếng địa phương nào (Sre; Nộp; Cơ Dòn; Lạch hay Chil...)? Đối với người Chăm thì tiếng nói nhóm Chăm Đông (ở Ninh Thuận và Bình Thuận) hay Chăm Tây (An Giang, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh) hay tất cả được dùng trong hoạt động truyền thông...?

Đối với những trường hợp này, nên xử lý như sau:

- Nên chọn tiếng địa phương ở một vùng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá làm cơ sở chính để sử dụng trong truyền thông. Nếu không có vùng nào được coi là trung tâm như vậy, thì nên chọn tiếng địa phương nào có số người nói đông.

- Có thể chọn một tiếng địa phương nhất định để sử dụng trong truyền thông và bổ sung những “giọng” đọc qua các phát thanh viên nói tiếng địa phương khác. Ví dụ tiêu biểu là Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam bằng tiếng Việt, với “giọng” của phát thanh viên thuộc phương ngữ Bắc cùng các phát thanh viên thuộc phương ngữ Trung và Nam.

Ở đây cần ghi chú: Nếu là đài địa phương (tỉnh, huyện...), tốt nhất nên dùng tiếng địa phương đó. Nếu địa phương có nhiều tiếng địa phương nhỏ khác (“thô ngữ”) thì nên chọn theo cách nêu trên.

5.2.3. Căn cứ lựa chọn chữ viết trong hoạt động

truyền thông

Đối với một dân tộc có hai (hoặc trên hai) hệ thống chữ viết, thì chữ nào được dùng trong hoạt động truyền thông? Chẳng hạn: Trong truyền thông, nên dùng chữ Chăm Rumi của nhóm Chăm Tây (An Giang, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh) hay chữ *akhar thrah* của nhóm Chăm Đông (ở Ninh Thuận và Bình Thuận) hay chữ Chăm hệ Latin, hay tất cả? Nên dùng chữ Thái tự dạng Latin hay Sanscrit, và nếu là chữ tự dạng Sanscrit thì nên dùng bộ chữ nào trong các bộ chữ Sanscrit của người Thái? Nên dùng chữ Cơ Tu, Co, Ra Glai... do các cán bộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng chế tác hay hệ thống chữ của Viện Ngữ học Mùa hè?...?

Đối với những trường hợp này, nên xử lý như sau:

- Về mặt lý thuyết, tất cả các bộ chữ (cổ truyền hay mới) đều bình đẳng và có thể sử dụng trong hoạt động truyền thông. Tuy nhiên, nên ưu tiên bộ chữ Latin, do tính thông dụng và đáp ứng yêu cầu gần gũi nhau giữa các hệ thống chữ viết khác trong một quốc gia đa dân tộc, đặc biệt với chữ Quốc ngữ. Nhờ sự gần gũi này mới nảy sinh chức năng “bác cầu” từ một chữ này sang một chữ khác, dễ dàng hơn cho cơ quan phát thanh, truyền hình khi biên dịch và cả cho người xem. Hơn nữa, sự gần gũi này giúp cho việc tiếp nhận các từ ngữ vay mượn từ tiếng Việt hoặc qua tiếng Việt dễ dàng. Đây chính là kinh nghiệm của tiếng Việt, với các hệ thống chữ gốc Hán và gốc Latin (hiện nay chủ yếu dùng chữ Quốc ngữ - dạng Latin).

- Nếu một cộng đồng có nhiều bộ chữ cùng loại (có thể khác về người chế tác, thời điểm ra đời, khu vực thịnh hành, tình thái của người dân và phạm vi sử dụng...), nên ưu tiên chọn sử dụng hệ chữ thông dụng hoặc có uy tín cao hơn, thường được xây dựng trên cơ sở tiếng nói ở một vùng là trung tâm chính trị kinh tế văn hoá. Nhưng nếu không có vùng nào được coi là trung tâm như vậy, thì nên chọn hệ thống chữ nào có đông người nói. Và nếu tất cả các hệ thống chữ đều có số người nói tương đương nhau thì nên chọn hệ thống chữ nào có số lượng kí hiệu nhiều hơn... Ngoài ra, việc chọn chữ nào được “yêu quý trân trọng” hơn có thể tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, tâm lý của cộng đồng và có thể của chính những đặc tính của bộ chữ. Đây cũng là kinh nghiệm của tiếng Việt.

5.2.4. Nếu ngôn ngữ được chọn sử dụng trong truyền thông không hoặc chưa có được một hệ thống từ vựng tương đối đầy đủ; không hoặc chưa có cách diễn đạt uyển chuyển, với những sắc thái biểu cảm phù hợp với những ý tứ và hoàn cảnh giao tiếp trên truyền thông, cần phải làm gì?

Đối với những trường hợp này, nên xử lý như sau:

- Người biên soạn hoặc biên dịch phải sáng tạo ra những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới trên cơ sở các thành tố và mô hình có sẵn trong ngôn ngữ đó. Chú ý tham khảo ngôn ngữ trong các tác phẩm đã thành văn.

- Vay mượn từ ngữ và cách diễn đạt mới từ tiếng Việt và các ngôn ngữ khác (có thể theo lối "căn ke", nhưng không làm biến dạng ngôn ngữ DTTS).

5.3. Trách nhiệm của đơn vị phát thanh, truyền hình trong truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số

Những người làm công tác truyền thông, đồng thời là tác giả của những văn bản bằng ngôn ngữ DTTS, có vai trò rất quan trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ. Họ đứng trước những nhiệm vụ của truyền thông hướng tới các cộng đồng DTTS và phải đạt tới "tiếng nói chung" chính là ngôn ngữ các dân tộc này. Phải trả lời tất cả những câu hỏi: Lựa chọn sử dụng ngôn ngữ/ tiếng địa phương nào, trong điều kiện rất ít ngôn ngữ/ tiếng địa phương có sự chuẩn mực? Phải sử dụng ngôn ngữ DTTS thể nào, trong điều kiện từ vựng, ngữ pháp, phong cách... của ngôn ngữ đó chưa diễn tả được đầy đủ và hấp dẫn những yêu cầu nội dung chương trình? Phải sử dụng ngôn ngữ trực quan ra sao, trong điều kiện chữ viết của dân tộc đó chưa có hoặc chưa hoàn thiện? Phải sử dụng ngôn ngữ thể nào, để giúp nâng cao sự trân trọng văn hóa truyền thông trong ý thức tự giác tộc người của mỗi cá nhân DTTS?...

Họ phải đối diện với việc tạo ra các văn bản, với đòi hỏi rất cao về khả năng ngôn ngữ các DTTS và tiếng Việt; sự đối dịch song ngữ rất phức tạp và nhiều khi không thể tương đương hoàn toàn, sự đan xen khuôn mẫu với yêu cầu hấp dẫn bằng nghệ thuật ngôn từ, với sự xuất hiện những kiểu lỗi về phát âm, chính tả và từ ngữ; sự khác biệt giữa các tiếng địa phương, giữa ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ tác giả trong văn bản truyền thông; tiêu đề các văn bản...

Nên giúp những người làm công tác truyền thông trong truyền thông bằng ngôn ngữ DTTS những điều kiện thích hợp để hoàn thành nhiệm vụ.

Giải quyết được những vấn đề nêu trên, cũng là giúp cho ngôn ngữ các DTTS trở nên đặc dụng và "chuẩn mực", giúp truyền thông đạt hiệu quả cao hơn. Đồng thời, góp phần giúp cho ngôn ngữ các dân tộc thoát khỏi nguy cơ mai một, có cơ hội cho ngôn ngữ các DTTS được bảo tồn và phát huy.

6. Kết luận

Có thể thấy, việc sử dụng ngôn ngữ các DTTS trong truyền thông hết sức cần thiết, có ý nghĩa thiết thực trên các phương tiện truyền thông với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng. Mặt khác việc sử dụng tiếng nói chữ viết các DTTS trong truyền thông nói chung và trên phát thanh, truyền hình nói riêng có vai trò hết sức quan trọng để bảo tồn và phát triển ngôn ngữ các dân tộc, đem lại sức sống và làm sắc bén công cụ giao tiếp này.

Người tiếp nhận (nghe và xem) mong muốn các chương trình truyền thông ở vùng đồng bào các DTTS mang đến cho họ những nội dung hấp dẫn, những bài ca và truyện kể sâu sắc, những hình ảnh chân thực và thời sự..., và cần được diễn tả bằng hoặc đi kèm ngôn ngữ các DTTS. Đặc biệt, ngôn ngữ này phải súc tích, mạch lạc, dễ nghe, dễ hiểu và gần gũi.

Trên truyền thông, ngôn ngữ vừa có vai trò truyền tải nội dung, vừa xuất hiện như một thành tố văn hóa truyền thông, là phương tiện nối kết cộng đồng. Nhờ được sử dụng, ngôn ngữ DTTS có lý do để tồn tại và phát triển, ngày càng trở nên sắc bén và giàu sức sống.

Tài liệu tham khảo

Alasutari, P. (ed.) (1999). *Rethinking the Media Audience: The New Agenda*. London: Sage.

Amezaga, J. (2004). *Linguistic space: Satellite television and languages around the world and in the European Union*, Mercator Media Forum 7, 66–85.

Brown, D. (2007). *Minority Language Media: Concepts, Critiques and Case Studies*. Multilingual Matters.

Browne, D. (1996). *Electronic Media and Indigenous Peoples: A Voice of Our Own*. Ames, IA: Iowa State University Press.

Chung, P. H., Hương, B. T., & và các tác giả khác. (2016). *Truyền thông xã hội*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

Dân, N. Đ. (2007). *Ngôn ngữ báo chí – Những vấn đề cơ bản*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Dũng, N. V. (2012). *Cơ sở lý luận báo chí*. Hà Nội: Nxb. Lao động.

Đài Tiếng nói Việt Nam. (2015). *Sổ tay truyền thông dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.

Đức, H. M. (2000). *Cơ sở lý luận và báo chí - Đặc tính chung và phong cách*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hào, V. Q. (2010). *Ngôn ngữ báo chí*. Hà Nội: Nxb. Thông tấn.

Hoành, N. H., Lợi, N. V., & Thông, T. V. (2013). *Ngôn ngữ, chữ viết các DTTS ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.

Hội Nhà báo Việt Nam, & Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. (2013). *Văn hóa truyền thông trong thời kỳ hội nhập*. Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông.

Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Nam, & Hội Nhà báo Việt Nam. (2019). *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng*. Hà Nội: Nxb. Thông tin và Truyền thông.

- Ký, N. T. (2011). *Nói năng, giao tiếp trên đài truyền hình*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
- Minh, L. H. (2015). *Nghiên cứu xây dựng mô hình phối hợp sản xuất chương trình truyền hình tiếng dân tộc*.
- Niên, N. T. (2003). *Ngôn ngữ báo chí*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
- Quỳnh, P. (2007). *Tiểu luận (viết bằng tiếng Pháp trong thời gian 1922 – 1932)*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
- Riggins, S.H. (ed.) (1992). *Ethnic Minority Media: An International Perspective*. London: Sage.
- Sinh, B. N. (2012). Lịch sử biến đổi, địa vị và tác dụng của truyền thanh ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở nước ta. *Tạp Chí Văn Văn Ái Hải Giáp, Kỳ*.
- Son, D. X., Hường, Đ. V., & Quang, T. (1995). *Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Thông, T. V. (2011). Bảo tồn ngôn ngữ các DTTS Việt Nam trước nguy cơ tiêu vong. *Ngôn Ngữ & Đời Sống*, 3(1985), 8–10.
- Thông, T. V., & Tùng, T. Q. (2017). *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Thái Nguyên.
- Watson, I. (2003). *Broadcasting in Irish: Minority Language, Radio, Television and Identity*. Dublin: Four Courts Press.

THE ETHNIC MINORITIES LANGUAGE IN THE MEDIA IN VIETNAM

Ta Van Thong^a
Ta Quang Tung^b

^a Vietnam Institute of Lexicography and
Encyclopedia

Email: tavanthong1955@gmail.com

^b Vietnam Institute of Linguistics

Email: quangtung7391@gmail.com

Received: 25/9/2019

Reviewed: 28/9/2019

Revised: 10/10/2019

Accepted: 9/11/2019

Released: 20/11/2019

DOI:

Abstract

Communication activities by ethnic minorities languages are aimed at the main target of ethnic minorities, helping ethnic minorities have a separate space to receive information and express their aspirations.

This article presents reality of language communication and some issues that are posing for ethnic minorities languages in communication (radio and television) in Vietnam today. The principle is respect for the right to freedom of expression; ensure equality and personal rights; respect for cultural and linguistic diversity...; From there, propose some solutions for: Requirements for language; native language; writing; words; the role and responsibility of the media, to improve the effectiveness of the use of ethnic minorities languages in communication.

Communication in ethnic minority areas must provide listeners, viewers with interesting content, realistic and current images..., and should be expressed in or accompanied by ethnic minority languages. In particular, the language must be concise, coherent, easy to listen and understand. In the media, language has both a role of content transmission and a traditional cultural component and a means of community connection. Thanks to its use, the ethnic language has a reason to exist and develop, becoming sharp and rich in vitality.

Keywords

Ethnic minorities; Ethnic minorities language; The media; Vietnamese; Mother language.